

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG - TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Định.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông: Đặng Quang Minh và bà: Bùi Kim Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Trung Kiên- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2018 tại Hội Trường xét xử Toà án nhân dân TP.Hạ Long xét xử sơ thẩm C khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 267/2018/HSST ngày 06/11/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 267/2018/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 11 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Dương Thị L** - Sinh ngày 29/11/1983 tại Quảng Ninh.

Nơi cư trú: Tổ 3, khu 5A, phường B, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Dương Văn K và bà: Ngô Thị Đ; Có chồng là Sầu S; Con: Chưa có;

Tiền án, tiền sự: Chưa;

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 26/9/2018, hiện đang tạm giam tại trại giam C an tỉnh Quảng Ninh, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Anh Nguyễn Văn C - Sinh năm 1969; Nơi cư trú: Tổ 1, khu Y, xã Y, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh, có mặt tại phiên tòa.

- Người làm chứng: Anh Sầu S- sinh năm 1973; Nơi cư trú: Tổ 3, khu 5A, phường B, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Dương Thị L làm phụ bếp tại Công ty du lịch C – Hạ Long, không có chức năng tuyển dụng giáo viên. Một lần, L đi thăm anh rể tại thành phố Thái Nguyên và đến chơi với em họ của L tên là H đang học tại Trường Đại học sư phạm Thái Nguyên. Tại đây, L gặp chị T là hàng xóm của anh Nguyễn Văn C cũng đi thăm em học tại đó. Qua câu chuyện, chị T nghe thấy L nói sau này chị H ra trường, L sẽ xin việc cho chị H. Khoảng cuối năm 2014, anh Nguyễn Văn C có con gái là Nguyễn Thị Tuyết M tốt nghiệp Trường sư phạm Uông Bí nhưng chưa xin được việc làm, nghe chị T nói về việc L có khả năng xin việc, anh C liền xin số điện thoại và gọi cho L, đặt vấn đề nhờ L xin việc cho chị Mai, L đồng ý và bảo anh đến nhà nói chuyện. Đến khoảng giữa năm 2015, anh C đến nhà L ở tổ 3, khu 5A, phường B,

thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh gặp và nói với L về việc muốn xin việc cho chị M vào làm giáo viên tại thị xã Đông Triều. Do L mắc bệnh “hiếm muộn” nhưng không có tiền điều trị nên L đã nảy sinh ý định nói dối anh C là xin việc được cho chị Mai để chiếm đoạt tiền của anh C lấy tiền chữa bệnh. L yêu cầu anh C phải đưa tiền trước để L đưa cho cán bộ làm việc tại Sở giáo dục tỉnh Quảng Ninh. Anh C đồng ý và nhiều lần giao tiền cho L tại nhà L. Tính đến ngày 24/10/2015, L nhận của anh C tổng cộng là 250.000.000 đồng. L hứa với anh C sẽ xin việc cho chị M làm giáo viên ở thị xã Đông Triều, nếu đến tháng 02/2016 mà L không xin được việc thì L sẽ hoàn trả tiền cho anh C. Sau khi nhận tiền của anh C, L không đưa số tiền trên cho ai khác để nhờ xin việc cho chị M mà L sử dụng số tiền trên để đi chữa bệnh và chi tiêu cá nhân hết nên dẫn đến không có tiền trả lại cho anh C. Anh C nhiều lần đến gặp L để đòi, L nói dối với anh C là đã đưa tiền cho người khác để nhờ xin việc nhưng hiện không xin được, L hứa hẹn sẽ trả lại tiền cho anh, nhưng đều không thực hiện, nên anh C đến Công an trình báo sự việc.

Anh C giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 giấy biên nhận lập ngày 24/10/2015, thể hiện L nhận của anh C số tiền 250.000.000 đồng và hứa xin việc cho chị M là con anh C, nếu không xin được việc L sẽ hoàn trả lại toàn bộ số tiền sau 03 tháng; 01 giấy biên nhận, 03 giấy hẹn và 01 giấy cam đoan có nội dung L hẹn trả tiền, ghi ngày: 15/10/2016, 10/12/2016, 18/3/2017, 01/4/2017, 20/8/2017.

Tại bản kết luận giám định số 175/KLGD ngày 01/12/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh kết luận: Chữ viết và chữ ký đề tên “Dương Thị L” trên sổ giấy tờ anh C cung cấp đều là do Dương Thị L viết và ký tên

Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Người bị hại anh Nguyễn Văn C tại phiên tòa khai: Khoảng giữa năm 2014, tôi có quen biết chị Dương Thị L, chị L nói có quen biết với một người làm ở Sở Giáo dục tỉnh Quảng Ninh nên tôi tin tưởng và nhờ chị L xin việc cho con gái tôi đi dạy học ở thị xã Đông Triều sau khi cháu ra trường. Chị L bảo với tôi đưa cho chị L 250.000.000 đồng và hồ sơ của con gái tôi là Nguyễn Thị Tuyết M cho chị L, chị L hứa sẽ xin được việc cho cháu M. Tính đến ngày 24/10/2015, tôi đến nhà chị L ở phường Bãi Cháy gặp chị L và đưa cho chị L tổng số tiền 250.000.000đ và hồ sơ của cháu M, chị L cầm tiền, hồ sơ và hứa nếu không xin được việc sẽ hoàn trả lại hồ sơ và số tiền sau 03 tháng. Tuy nhiên hết năm 2015 con gái tôi vẫn chưa được đi làm. Đến năm 2016, chị L vẫn chưa xin được việc cho con gái tôi mặc dù có hứa hẹn rất nhiều lần, tôi cảm thấy lời nói của chị L không có đảm bảo và có dấu hiệu lừa đảo nên tôi đã đến cơ quan Công an trình báo sự việc trên.

Tại phiên tòa anh C đề nghị Hội đồng xét xử xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật, quá trình điều tra bị cáo đã bồi thường cho anh số tiền 28.000.000 đồng, nay anh yêu cầu bị cáo phải trả cho anh số tiền còn lại là 222.000.000 đồng.

Người làm chứng anh Sầu S có lời khai phù hợp với lời khai của bị cáo, bị hại về nội dung vụ án.

Tại Cáo trạng số 269/CT-VKSHL ngày 02/11/2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long đã truy tố Dương Thị L về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự .

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điểm a khoản 3 Điều 174; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều

51 Bộ luật hình sự; Xử phạt Dương Thị L từ 07 năm đến 08 năm tù về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 26/9/2018.

Đại diện Viện kiểm sát không đề nghị áp dụng phạt tiền đối với bị cáo.

Bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền 222.000.000đồng.

Tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long và bản luận tội của Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử khoan hồng giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra C an thành phố Hạ Long, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời trình bày của người bị hại, người làm chứng và phù hợp với tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nên có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng tháng 10/2015, tại tổ 3, khu 5A, phường B, thành phố Hạ Long, Dương Thị L đã có hành vi nói dối, hứa hẹn xin việc cho chị Nguyễn Thị Tuyết M là con gái của anh Nguyễn Văn C để chiếm đoạt 250.000.000 đồng của anh C chi tiêu cá nhân.

Hành vi nêu trên của bị cáo L đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự như Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trái pháp luật hình sự, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của C dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội và gây bất bình trong quần chúng nhân dân, vì vậy hành vi phạm tội của bị cáo cần phải xử lý nghiêm.

[3] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự;

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đã bồi thường khắc phục một phần hậu quả nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt: Khi lượng hình cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để thể hiện tính nhân đạo của pháp luật, nhưng dù có xem xét giảm nhẹ hình phạt đến đâu thì việc cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian là cần thiết, mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Về phần dân sự: Người bị hại anh Nguyễn Văn C yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền còn lại bị cáo đã chiếm đoạt của ông là 222.000.000đồng là có căn cứ, nên được chấp nhận.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là có hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm. Bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự .

Tuyên bố: Bị cáo Dương Thị L phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Dương Thị L 07 (Bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt 26/9/2018.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng: Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 357; Điều 584; 585 và 589 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Dương Thị L phải có trách nhiệm trả lại cho anh Nguyễn Văn C số tiền 222.000.000đồng (Hai trăm hai mươi hai triệu đồng).

Kể từ ngày người bị hại có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo không trả lại tiền hoặc trả lại không đầy đủ số tiền trên thì phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 11.100.000đ (Mười một triệu một trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử C khai sơ thẩm có mặt bị cáo và bị hại, báo cho bị cáo và bị hại biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Bị hại;
- VKSND TP. Hạ Long;
- Cơ quan CSĐT C an TP. Hạ Long;
- Cơ quan THAHS C an TP. Hạ Long;
- Trại tạm giam C an tỉnh Q.Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS TP.Hạ Long;
- Lưu hồ sơ, văn phòng, THA

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Định